

ĐÁP ÁN PHẦN I - CLOSEST

1. C. **opinion** = **review**: ý kiến đánh giá
2. C. **shared**: được chia sẻ, có ở nhiều đối tượng = **universal**: chung, toàn thể.
 - MARKED: rõ ràng, đáng chú ý
 - SEPERATED: riêng biệt
 - HIDDEN: được giấu kín, kín đáo
3. C. => **(be/ grow/ become) fond of sth**: dần/ trở nên thích cái gì = **love**.
 - **grow + adj** = trở nên như thế nào.
4. D. **plants and animals**: cây cối và động vật = FLORA AND FAUNA: hệ thực vật và hệ động vật
5. A. => **be entitled to sth** = **be given the right to sth**: được trao quyền cho, được ban cho
6. C. => **advertisement** = **commercial**: mục quảng cáo
7. C. **initiate** = **pave the way for**: mở đường, mở màn, mở đầu
 (câu này khó đây :'()
8. D. **cash-free** = **cashless**: không dùng tiền mặt.
 - **free** ở đây là **hậu tố** mang nghĩa: “không có”
 vd: **duty-free** (miễn thuế), **care-free** (không lo lắng, vô tư lự)
9. A. => **risk** = **threat**: mối đe dọa, mối nguy hiểm
10. C. **significant difference** (sự khác nhau đáng kể) = **striking contrast** (sự tương phản lớn)
11. C. => **publicly support** = **advocate**: ủng hộ công khai.
 (chỉ có **support** + V-ing)
12. C. **an excellent work of art** = **a masterpiece**: kiệt tác
13. B. => **suddenly becomes uncontrollable** (đột nhiên trở nên không kiểm soát được) = **explode**
 (bất ngờ thể hiện cảm xúc mạnh)
14. D. **being together with friends** = **in the company of**: gắn bó với bạn bè.
 (COMPANY = bạn bè)
15. D. **worsening the situation** (sự làm tình hình xấu thêm) = **escalation of tension** (sự làm leo thang căng thẳng)
 (vụ Trung Quốc đặt dàn khoan trên Biển Đông tháng 5 năm 2014)

Facebook: Hoàng Việt Hưng - Page: Trick Master

16. D. **beneficial to health** (có lợi cho sức khỏe) => **health food** phải là: thức ăn có lợi cho chức khỏe.

17. A. **hazardous** = **causing a lot of risks**: đầy mạo hiểm
(đoán được do **dịch** câu - **leo núi** thì tất **nguy hiểm**)

18. C. => **handful** (số lượng 1 nắm tay, số lượng nhỏ) = **small number**
(có yếu tố **hand** nhưng ở đây chỉ **người** (Applicants) nên nó sẽ về **số lượng**. **amount** dùng cho **không** đếm được)

Câu 19. A. **able to hear** = **hearing**: có khả năng nghe
(phía sau có DEAF: điếc => về trước ngược lại)

20. C. **insights** = **deep understanding**: sự hiểu biết sâu sắc.
(khó suy luận - câu chống điểm 10)

21. D. => **culinary** = Liên quan đến thực phẩm và cách nấu nướng
(có các yếu tố **dinner**, **dishes** và **mouth-wastering** (chảy nước miếng) (nếu ai suy luận được từ này 😊)

22. C. => **drenched** = **completely** = ướt sũng.
(có thể suy luận từ việc **rain heavily**)

23. C. => 1 vấn đề khó hiểu với ai
dịch qua: “Thật vô ích khi nói chuyện với tao về **metaphysics** (siêu hình học)...
<=> Thực ra chả cần biết **metaphysics** là món chi rứa, chỉ dịch đoạn đầu là biết nó KHOAI => Nó cần yếu tố **tiêu cực** => ý C tiêu cực. (ý A thiếu yếu tố **i/me** nên có thể bỏ)

24. A. => **reject** = **turn down** = từ chối

25. A. => **release** = **discharge** = thả ra.

26. B. => **bridge the gap** = giảm sự khác biệt, giảm khoảng cách = **reduce the differences**.
(câu này đòi hỏi suy luận - **gap** = khoảng cách)

27. A => **help** = **assist** = giúp đỡ

28. C. => **diligent** = **studious** = chăm chỉ

29. D. => **adhere** = **follow** = tuân theo
(A, B, C đều mang nghĩa “tiêu cực” nên không hợp)

30. C. => **the underprivileged** = **poor inhabitants** = những người dân cư nghèo.
(dịch qua thì có “cung cấp thức ăn ...” - thì chỉ có cho **người nghèo** thôi)

ĐÁP ÁN PHẦN II - OPPOSITE

1. C. **small quality** (số lượng nhỏ) >< **abundance** (số lượng rất lớn)
(nếu suy luận được: **even exported** (thậm chí xuất khẩu) => **abundance** = **nhều** >< **ít**)
2. A. **ease** (sự thoải mái) >< **concern** (sự lo lắng)
(nếu dịch được câu thì việc **phá hủy môi trường** sẽ phải là sự **lo lắng** >< **ease** (suy từ **easy**: dễ dàng, thoải mái)
3. A. **guilty** (có tội) >< **innocent** (vô tội)
4. B. **impoverished** (rất nghèo) >< **affluent** (khá giả)
(câu này khó thật :’(- đòi hỏi lượng từ vựng nhiều)
5. B. **stay unchanged** (không thay đổi, vẫn thế) >< **vary** (biến đổi, khác đi)
6. B. **something enjoyable** (điều dễ chịu) >< **burden** (gánh nặng)
(nếu suy luận được: **disease** = **bệnh tật** => từ sau nó phải là 1 từ **không vui vẻ** >< **vui vẻ**)
7. B. **beneficial** (mang lại lợi ích) >< **disastrous** (có hại, mang lại tai họa)
(nhiều từ vựng trong câu này nên khá khoai :’()
8. C. => **restrict** (hạn chế) >< **promote** (đẩy mạnh)
(do vốn từ vựng của bọn em)
9. B. => **an inactive society** (1 xã hội hoạt động kém) >< **a 24/7 society** (1 xã hội hoạt động liên tục)
(24 giờ trong cả 7 ngày 😊 - nhớ chương trình Thể thao 24/7 trên t.v)
10. C. **calm** (điềm tĩnh) >< **irritable** (dễ bực tức, hay nổi cáu)
(nếu dịch được việc **thiếu ngủ** gây **tác hại** và biết nghĩa 2 từ **uncomfortable** và **miserable** không liên quan thì có thể loại được)
11. A. **slow down** (chậm lại) >< **speed up** (tăng tốc)
12. A. **mean** (keo kiệt) >< **generous** (hào phóng)
13. D. **thoughtful** (suy nghĩ thấu đáo) >< **thoughtless** (thiếu suy nghĩ)
14. A. **organize things inefficiently** (tổ chức các thứ kém hiệu quả) >< **run a very tight ship** (điều hành hiệu quả)
(dịch được về sau thì có thể loại C và D. nhưng B có thể gây nhầm lẫn. KHOAI !)
15. B. => **attend to** (chú trọng đến, chăm lo đến) >< **neglect** (sao nhãng)
(có thể suy luận từ ATTENTIVELY: 1 cách chăm chú)

Facebook: Hoàng Việt Hưng - Page: Trick Master

16. B. => **harmless** (vô hại) >< **detrimental** = **harmful** (có hại)

17. C. => **envy** (sự ghen tỵ = cái mọi người muốn) >< **something that nobody wants** (cái chả ai muốn)

18. B. => **snowed under with sth** (rất bận với) >< **free from sth** (rảnh rỗi, không phải làm gì)
(dịch câu là suy luận được !)

19. A. => **minor** (nhỏ, bé) >< **big** (to, lớn)

20. A. => **few and far between** (hiếm thấy, khó tìm) >< **easy to find** (dễ tìm)
(DỊCH CÂU !)

21. B. => **in time** (kịp giờ, đúng lúc) >< **later than expected** (muộn hơn dự định)